

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC/THẠC SĨ
Ngành: Kế toán

Mã ngành: 8340301

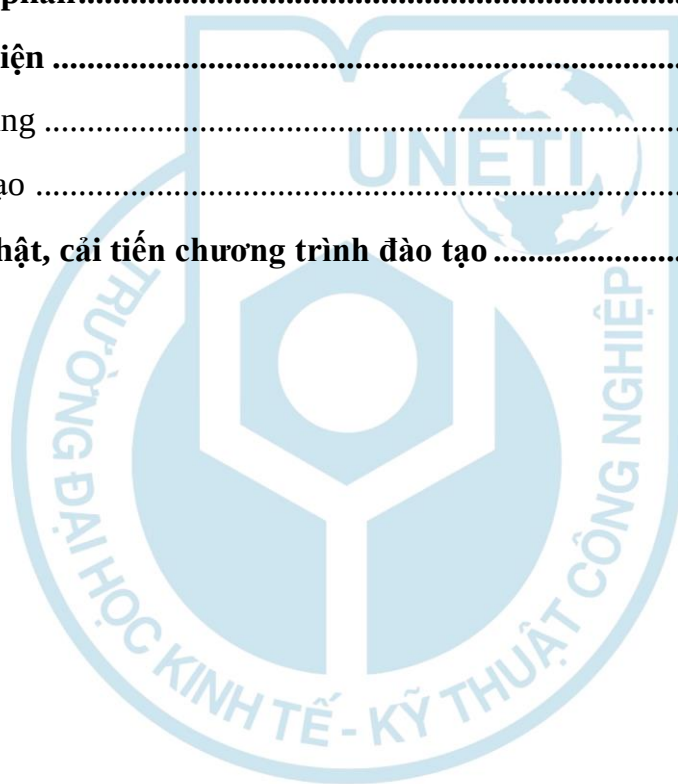
(Ban hành theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/8 /2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội – 2024

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường	2
2.1. Sứ mạng	2
2.2. Tầm nhìn phát triển	2
2.3. Giá trị cốt lõi	2
2.4. Triết lý giáo dục	2
3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	2
3.1. Mục tiêu chung	2
3.2. Mục tiêu cụ thể:	3
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ.....	4
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	5
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	5
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo	5
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo.....	5
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	7
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	8
7.1 Thông tin tuyển sinh	8
7.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	9
8. Chiến lược giảng dạy và học tập	9
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	13
9.1. Các hình thức đánh giá	13
9.2 Điểm đánh giá học phần	15
9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	16

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)	16
10. Cấu trúc chương trình đào tạo	17
10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ (<i>Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)</i>)	17
10.2. Nội dung chương trình đào tạo	18
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	19
11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	21
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo	25
13. Mô tả tóm tắt học phần.....	26
14. Hướng dẫn thực hiện	36
14.1. Nguyên tắc chung	36
14.2. Kế hoạch đào tạo	37
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo	38



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

(Giới thiệu đôi nét về sự hình thành ngành, chương trình đào tạo)

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kế toán, có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng làm việc và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập, có khả năng tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán cũng như có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế xã hội toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Chương trình cũng cung cấp những kiến thức mới, liên ngành để học viên ứng dụng vào thực tế; có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp, phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Chương trình Cử nhân/Kỹ sư ngành ...đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm... (nếu có).

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về “Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học”. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Kế toán
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Accounting
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Ngành đào tạo:	Kế toán
5. Mã ngành:	8340301
6. Thời gian đào tạo	2 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy

8. Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ
9. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
10. Website	https://uneti.edu.vn/
11. Khoa Quản lý CTĐT	Kế toán Kiểm toán
12. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	14/8/2024

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; tương thích, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Kế toán nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để tổ chức triển khai và điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao, có năng lực chuyên môn sâu, kiến thức liên ngành, khả năng làm việc và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập. Học viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, khả năng giao tiếp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: *Áp dụng* được kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kế toán kiểm toán trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị

PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, định hướng phát triển nghề nghiệp, đưa ra những sáng kiến quan trọng về kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan

PO3: *Thể hiện* được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả, khả năng hướng dẫn người khác, khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập trong lĩnh vực chuyên môn sâu về kế toán kiểm toán và các hoạt động nghề nghiệp khác

PO3: *Có năng lực* thiết kế tổ chức vận hành, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán có khả năng:

PLO1: Vận dụng kiến thức liên ngành có liên quan đến kế toán, kiểm toán trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

- PI 1.1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong lĩnh vực kinh tế tài chính
- PI 1.2: Vận dụng kiến thức cơ bản về tính toán ứng dụng và định lượng trong lĩnh vực kinh tế tài chính phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2: Vận dụng kiến thức về quản trị và quản lý kinh tế trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

- PI 2.1: Áp dụng kiến thức về quản trị và quản lý trong lĩnh vực kinh tế tài chính
- PI 2.2: Áp dụng kiến thức lập luận ngành kế toán để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán kiểm toán

PLO3: Áp dụng các kiến thức về lý thuyết và kiến thức thực tế sâu để thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kế toán kiểm toán và đánh giá công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp cụ thể, đơn vị, tổ chức

- PI 3.1: Áp dụng các kiến thức về lý thuyết và kiến thức thực tế sâu để thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kế toán kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp cụ thể, đơn vị, tổ chức
- PI 3.2: Đánh giá công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PLO4: Tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán một cách hiệu quả.

- PI 4.1: Tổng hợp, phân tích, đánh giá số liệu kế toán, báo cáo tài chính để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý
- PI 4.2: Đề xuất cải tiến các hoạt động về công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức

PLO5: Sử dụng công nghệ thông tin một cách sáng tạo, phù hợp trong lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PI 5.1: Sử dụng hiệu quả, sáng tạo các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn về kế toán
- PI 5.2: Khai thác, quản lý và sử dụng dữ liệu số về kế toán để phục vụ hoạt động chuyên môn

PLO6: Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả, khả năng nghiên cứu, phát hiện vấn đề, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

- PI 6.1: Hình thành nhóm để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán
- PI 6.2: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả để nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán

PLO7: Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt ý kiến cũng như kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình chuyên môn trong công việc

- PI 7.1: Chủ động trao đổi, thảo luận cũng như truyền đạt ý kiến trong các hoạt động chuyên môn
- PI 7.2: Viết được các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn có tính logic, hợp lý
- PI 7.3: Xây dựng và thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả, ngôn ngữ rõ ràng, tác phong đĩnh đạc

PLO8: Quản lý, đánh giá, cải tiến và tư vấn chuyên sâu các hoạt động mang tính chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính

- PI 8.1: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia, cải tiến về chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính
- PI 8.2: Quản lý, tư vấn chuyên sâu các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính

PLO9: Tự định hướng, nghiên cứu, hướng dẫn về chuyên môn, đưa ra những ý kiến phản biện, những sáng kiến quan trọng cũng như tuân thủ đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan

- PI 9.1: Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, hướng dẫn người khác về chuyên môn, lĩnh vực trong công việc, thích ứng với sự thay đổi của chuẩn mực kế toán kiểm toán và các quy định khác về tài chính
- PI 9.2: Đưa ra được các ý kiến phản biện, những sáng kiến quan trọng, bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn
- PI 9.3: Thể hiện được trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, kiểm soát viên nội bộ, trưởng ban kiểm soát nội bộ, CEO trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty, đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên trong các công ty kiểm toán.
- Chuyên viên phụ trách kế toán tại các ngân hàng và các bộ phận chức năng về kế toán - kiểm toán tại các Bộ, các ngành và các cơ quan nhà nước khác.
- Giảng viên giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Đại học đào tạo về Kế toán
- Chuyên viên tại các viện nghiên cứu, các tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực kế toán kiểm toán

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- Chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán, định hướng ứng dụng, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội, Quyết định số 496/QĐ – ĐHCN ngày 19/05/2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Công nghiệp Hà Nội
- Mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán, Trường ĐH Mở Hà Nội, Quyết định số 3622/QĐ-ĐHM ngày 04/10/2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Mở Hà Nội
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán, Học viện Ngân hàng, Quyết định số 1026/QĐ – HVNH ngày 31/05/2022
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán, ĐH Thương Mại, Quyết định số 115/QĐ – ĐH Thương Mại ngày 21/01/2022

https://drive.google.com/file/d/1YhTKDIJKEQptCXH0seimzCbxJE_0qhNM/view?usp=drive_link

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kế toán, có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng làm việc và phương pháp nghiên cứu									

khoa học độc lập, có khả năng tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán cũng như có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế xã hội toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Chương trình cũng cung cấp những kiến thức mới, liên ngành để học viên ứng dụng vào thực tế; có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp, phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước									
Mục tiêu cụ thể									
PO1	Áp dụng được kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kế toán kiểm toán trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị	x	x						
PO2	Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, định hướng phát triển nghề nghiệp, đưa ra những sáng kiến quan trọng về kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan					x			x
PO3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả, khả năng hướng dẫn người khác, khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập trong					x	x		

	lĩnh vực chuyên môn sâu về kế toán kiểm toán và các hoạt động nghề nghiệp khác									
PO4	Có năng lực thiết kế tổ chức vận hành, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán			X	X	X			X	

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2 Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

(Lưu ý: Đối với trình độ Thạc sĩ sử dụng bậc 7 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam)

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.	TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan.	KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	TCTN 3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
	KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	TCTN 4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

	KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	
--	---	--

Bảng 3 Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung TĐQG Chuẩn đầu ra	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		x										
PLO2		x	x			x						
PLO3	x											
PLO4	x			x								
PLO5						x	x					
PLO6					x							
PLO7				x	x							
PLO8											x	x
PLO9									x	x		

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp ¹

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh và hội đồng khoa học nhà trường quyết định.

+ Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

¹ Tùy từng trình độ Đại học/Thạc sĩ mà đưa thông tin về tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp cho đúng đối tượng (Lấy thông tin trên web tuyển sinh nhà trường)

- Phương thức tuyển sinh

+ Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:

Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.

Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.

+ Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:

Môn 1: Nguyên lý kế toán

Môn 2: Kế toán tài chính

Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

7.2. Điều kiện tốt nghiệp²

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau:

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học³

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch. - Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng đề SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4

² Mô tả điều kiện tốt nghiệp đúng đối tượng là Đại học/Thạc sĩ

³ Đây là bảng ví dụ về chiến lược và phương pháp dạy học được áp dụng trong CTĐT, với các PP dạy học này sẽ được sử dụng trong các ĐCCT. Thầy/Cô cần liệt kê cho phù hợp.

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học) - Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thẻ bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO6 PLO7
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	- GV đưa ra thảo luận - SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các SV ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp - GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề	PLO6 PLO7
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO6 PLO7 PLO8 PLO9
		Tự học (Selfstudying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học - Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng - Làm bài tập về nhà	PLO8 PLO9
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO5 PLO7 PLO8 PLO9
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm - SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập) - Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO5 PLO7 PLO8 PLO9

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

Chiến lược và phương pháp dạy học			Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)								
	Chiến lược	Phương pháp dạy học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x					

	của người học										
2	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	x	x	x	x					
3	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)					x	x			
4	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)					x	x			
5	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)						x	x	x	x
6	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Tự học (Selfstudying)	x	x	x	x	x	x	x	x	x

7	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)					X		X	X	X
8	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)					X		X	X	X

Ghi chú: Căn cứ theo bảng 4 đã xây dựng phía trên để xây dựng mối liên hệ giữa chiến lược giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs). Đây là cơ sở để lựa chọn phương pháp giảng dạy trong quá trình xây dựng ĐCCT học phần sau này.

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 404/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ⁴

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần...). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đồ án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
A	Đánh giá quá trình	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những

⁴ Căn cứ theo Quy chế đào tạo ĐH/Thạc sĩ để đưa vào

	(On going/Formative Assessment)	tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định.
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 2, 3, 4, 5
B	Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án (Written Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6, 7, 8, 9, 10
8	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 11

9.2 Điểm đánh giá học phần ⁵

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

⁵ Căn cứ theo quy chế đào tạo: Đại học/Thạc sĩ để viết cho phù hợp với CTĐT (nội dung này viết cho hệ đại học)

+ Học viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Học viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Sử dụng bảng mẫu các Rubrics ([Link](#))

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)⁶

⁶ Tùy vào việc lựa chọn các PP kiểm tra đánh giá ở bảng 6 để làm đối sánh

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
A	Đánh giá quá trình									
1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)						x	x	x	x
B	Đánh giá tổng kết									
4	Kiểm tra viết, tự luận	x	x	x	x					
5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x					
6	Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo ⁷

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Phần kiến thức chung: 06 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành: 45 tín chỉ
 - + Lý thuyết: 39 tín chỉ
 - + Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận: 06 tín chỉ

⁷ Sử dụng mẫu 7a hoặc 7b để hoàn thiện mục này

- Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án) :

09 tín chỉ

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
		Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I. Phần kiến thức chung		6			
0601002218	Triết học	4	48	24	
0601001468	Phương pháp NCKH	2	24	12	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành		12			
Các học phần bắt buộc		6			
0601000561	Kinh tế học	2	24	12	
0601002222	Lý thuyết kế toán	2	24	12	
0601002278	Thống kê và Phân tích dữ liệu	2	24	12	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)		6			
0601002279	Tài chính công	2	24	12	
0601002280	Quản trị tài chính DN	2	24	12	
0601002281	Quản trị chiến lược	2	24	12	
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	24	12	
0601002283	Quản trị rủi ro	2	24	12	
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2	24	12	
0601002285	Luật kinh tế tài chính	2	24	12	
III. Phần kiến thức chung của ngành		21			
Các học phần bắt buộc		15			
0601002221	Pháp luật kế toán	3	39	12	
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	3	39	12	
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3	39	12	
0601002286	Kế toán quản trị	3	39	12	

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
		Tổng số	LT	TH, TN, TL	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	0	90	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)		9			
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	39	12	
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3	39	12	
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	39	12	
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	3	39	12	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành		12			
Các học phần bắt buộc		9			
0601000446	Kế toán tài chính	3	39	12	
0601002287	Kiểm toán tài chính	3	39	12	
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	0	90	
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		3			
0601002288	Kế toán công	3	39	12	
0601002289	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	39	12	
0601002290	Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn	3	39	12	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)		9	0	540	
Tổng cộng:		60			

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (5 môn BB + 1 môn TC)		16	
0601002218	Triết học	4 (48,24, 120)	BB
0601001468	Phương pháp NCKH	2 (24,12, 60)	BB

0601000561	Kinh tế học	2 (24, 12,60)	BB
0601002222	Lý thuyết kế toán	2 (24, 12,60)	BB
0601002221	Pháp luật kế toán	3 (39,12,90)	BB
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	3 (39, 12, 90)	BB
II. Học kỳ 2 (3 môn BB + 3 môn TC)		14	
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24,12,60)	BB
0601002279	Tài chính công	2(24, 12, 60)	TC
0601002280	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2(24, 12, 60)	TC
0601002281	Quản trị chiến lược	2(24, 12, 60)	TC
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2 (24, 12,60)	TC
0601002283	Quản trị rủi ro	2(24, 12, 60)	TC
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2(24, 12, 60)	TC
0601002549	Luật doanh nghiệp	2(24, 12, 60)	TC
0601002286	Kế toán quản trị	3 (39,12, 90)	BB
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3 (39,12, 90)	BB
III. Học kỳ 3 (2 môn BB + 3 môn TC)		15	
0601000446	Kế toán tài chính	3 (39,12, 90)	BB
0601002287	Kiểm toán báo cáo tài chính	3 (39,12, 90)	BB
0601002288	Kế toán công	3 (39,12, 90)	TC
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3 (39,12, 90)	TC
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3 (39,12, 90)	TC
0601002289	Kiểm soát nội bộ	3 (39,12, 90)	TC
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	3 (39,12, 90)	TC
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	3 (39,12, 90)	TC
IV. Học kỳ 4 (2 chuyên đề + 1 đề án)		15	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (0, 90, 90)	BB

0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3 (0, 90, 90)	BB
0601002449	Đề án tốt nghiệp	9 (0, 540, 0)	BB



11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																			
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PL05		PL06		PL07			PL08		PLO9		
						P 11.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI3. 2	PI 4.1	PI4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI7. 2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 9.1	PI9. 2	PI9. 3
I	Phần kiến thức chung																								
1	601002218	Triết học	4	BB	GD ĐC	R																	I	I	
2	601001468	Phương pháp NCKH	2	BB	GD ĐC	I	I, A		I														I		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																								
II. 1	Các học phần bắt buộc																								
3	601000561	Kinh tế học	2	BB	CSN			I, A															I		
4	601002222	Lý thuyết kế toán	2	BB	CSN				I, A	R, A												R			
5	601002278	Thống kê và Phân tích dữ liệu	2	BB	CSN				R			R			R, A								I		
II. 2	Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)																								
6	601002279	Tài chính công	2	TC	CSN			R, A									R						I		

	601002280	Quản trị tài chính DN	2	TC	CSN			R, A										R						I		
8	601002281	Quản trị chiến lược	2	TC	CSN			R, A										R						I		
III	Phần kiến thức chung của ngành																									
III.1	Các học phần bắt buộc																									
9	601002223	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	3	BB	CCN					R																R, A
10	601000458	Phân tích báo cáo tài chính	3	BB	CCN					I		R, A								R, A				R		
11	601002286	Kế toán quản trị	3	BB	CCN					I		R, A												R		
12	601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	BB	CCN							R		R, A		R, A	R, A								R	
III.2	Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)																									
13	601002221	Pháp luật kế toán	3	BB	CCN	I				R										R, A			R			R
14	601002291	Hệ thống thông tin kế toán	3	TC	CCN					I	R		R, A								I			I		

15	601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3	TC	CCN					R, A												R		R
IV Kiến thức chuyên ngành																								
IV.1 Các học phần bắt buộc																								
16	601000446	Kế toán tài chính	3	BB	CN					R, A		R			R							R		
17	601002287	Kiểm toán tài chính	3	BB	CN					R, A														R
18	601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	BB	CN					M	R, A		R		R, A		R, A					M	R	R
IV.2 Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)																								
19	601002288	Kế toán công	3	TC	CN					R, A		R												R
V Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)																								
20	601002449	Đề án tốt nghiệp	9	BB	CN					M, A		M, A					M, A	M, A				M, A	M, A	

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong 3 mức:

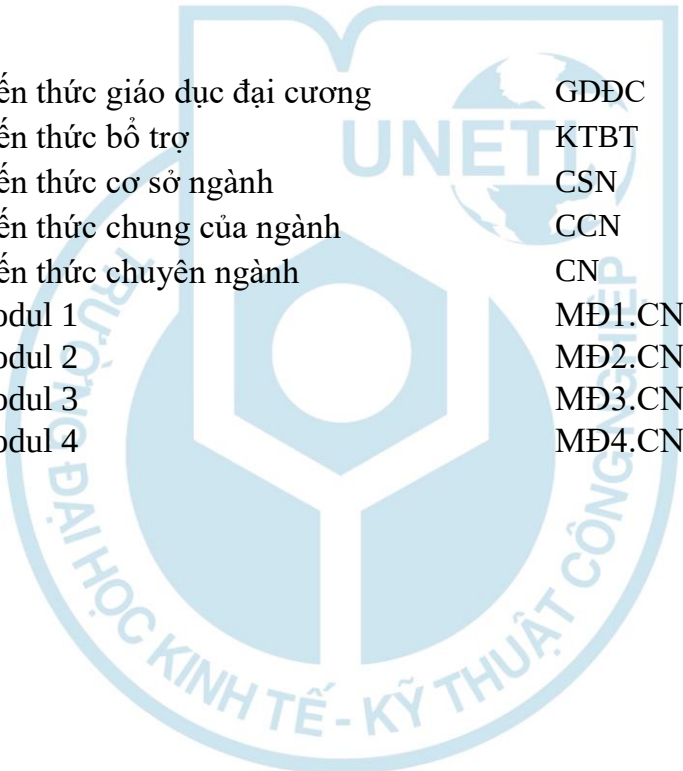
- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra và ở mức giới thiệu/ bắt đầu;

- R (Reinforced) Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế...

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thực/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO (CDR học phần) hoặc học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thực/thành thạo một nội hàm quan trọng - PI của PLO hoặc thậm chí thuần thực/thành thạo toàn bộ PLO đó.

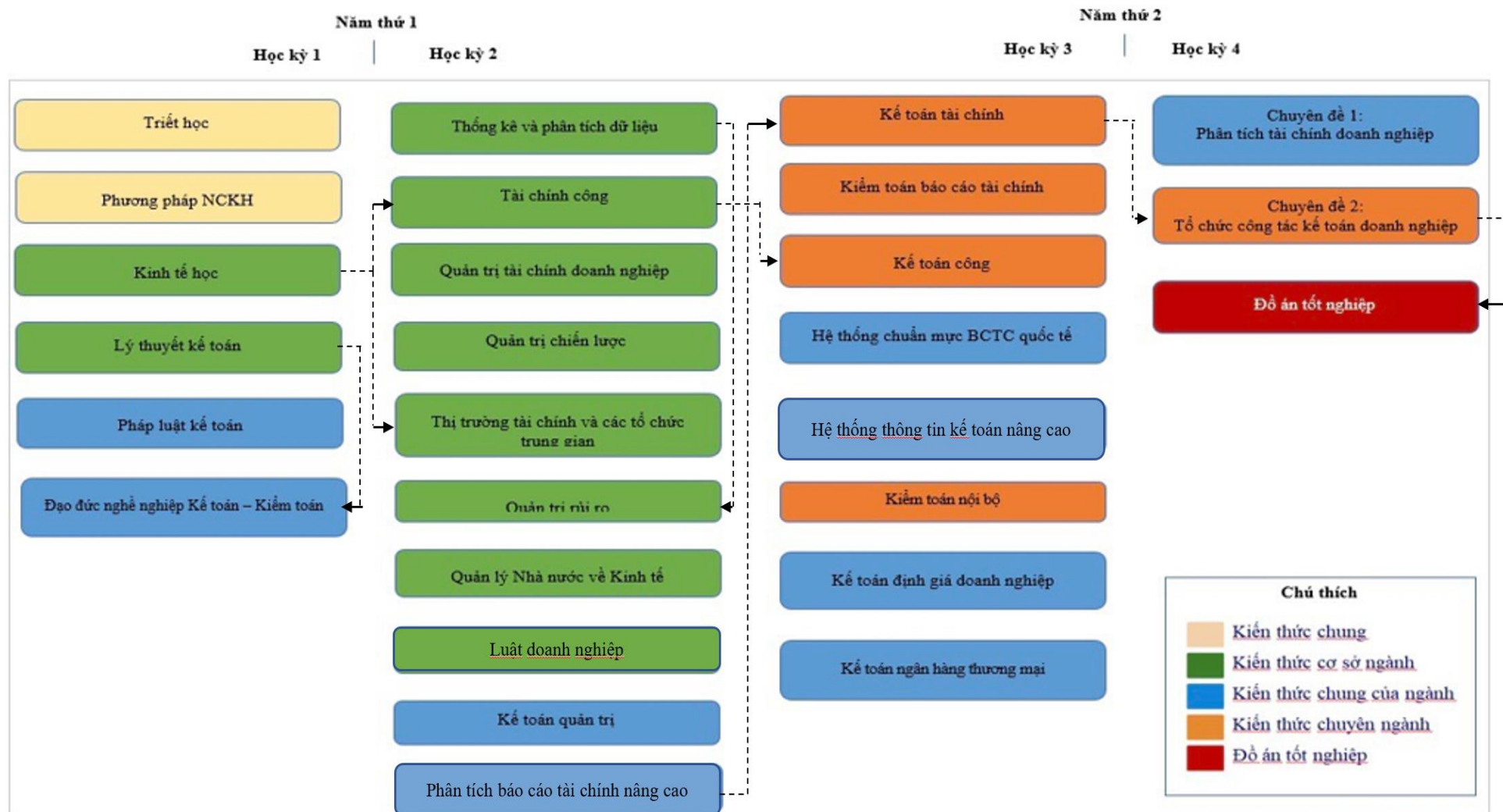
- A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI

- Ký hiệu Khối kiến thức



Kiến thức giáo dục đại cương	GDĐC
Kiến thức bổ trợ	KTBT
Kiến thức cơ sở ngành	CSN
Kiến thức chung của ngành	CCN
Kiến thức chuyên ngành	CN
Modul 1	MĐ1.CN
Modul 2	MĐ2.CN
Modul 3	MĐ3.CN
Modul 4	MĐ4.CN

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



13. Mô tả tóm tắt học phần

Kiến thức chung (6 TC)

1. Triết học Mac-Lênin

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48, 240,120)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Nội dung học phần gồm về:

Các nội dung về đặc trưng triết học phương Tây, triết học phương Đông và triết học Mác;

Các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò, thế giới quan, phương pháp luận của nó;

Đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy, nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành học kế toán. Học phần sẽ cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản của quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học: xác định tên đề tài, đề cương nghiên cứu; phương pháp chọn mẫu, xây dựng bảng hỏi, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu trong nghiên cứu; công bố kết quả nghiên cứu.

Kiến thức cơ sở ngành (12 TC)

3. Kinh tế học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế học là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán. Với những kiến thức nâng cao về Kinh tế học được cung cấp trong môn học này, học viên có thể phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến giá cả, sản lượng cân bằng của thị trường, phúc lợi của các thành phần có liên quan và tổng thể xã hội. Tiếp tục nghiên cứu hành vi của doanh nghiệp cạnh tranh không hoàn hảo ở mức cao hơn, nghiên cứu cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh, phân tích những nhược điểm của kinh tế thị trường và vai trò của chính phủ. Học viên cũng có thể vận dụng các mô hình kinh tế vĩ mô để hiểu được sự vận hành của nền kinh tế, hiểu được các tác động của các chính sách. Mặt khác với sự hiểu biết về công cụ của chính sách kinh tế, học viên cũng có thể hiểu được cách sử dụng các chính sách để đạt được các tác động mong muốn về kinh tế vĩ mô cũng như dự đoán các chính sách kinh tế có thể được áp dụng.

4. Lý thuyết kế toán

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần lý thuyết kế toán thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp những kiến thức cơ bản của lý thuyết kế toán bao gồm sự hình thành và phát triển của lý thuyết kế toán, các lý thuyết kế toán cơ bản, nội dung của lý thuyết kế toán như khuôn mẫu lý thuyết kế toán về các nội dung cơ bản và các yếu tố của báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về hệ thống định giá trong kế toán, quá trình hoà hợp, hội tụ của kế toán các quốc gia trên thế giới.

5. Thống kê và phân tích dữ liệu

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thống kê và phân tích dữ liệu cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích định lượng, bao gồm cách thức thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng kinh tế - xã hội, sử dụng kỹ thuật phân tích định lượng để phân tích dữ liệu, đánh giá, nhận xét những bảng báo cáo dựa trên các phân tích thực nghiệm. Qua đó, học viên nắm vững các công cụ phân tích nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng phần mềm chuyên dụng kết

hợp với kiến thức chuyên ngành để có thể tự mình thực hiện phân tích các kết quả điều tra trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, làm cơ sở cho việc quyết định quản lý.

6. Tài chính công

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tài chính công cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính công theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế. Cấu trúc học phần gồm các nội dung: nghiên cứu về khu vực công, tài chính của khu vực công, thu chi ngân sách nhà nước; nghiên cứu và làm rõ về hiệu quả và công bằng xã hội thông qua các định lý về hiệu quả của kinh tế học phúc lợi và nghiên cứu chuyên sâu về thuế và tác động của thuế tới phân phối thu nhập và hiệu quả kinh tế.

7. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị Tài chính doanh nghiệp là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề về cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, các phương pháp định giá doanh nghiệp, các phương án thuê hay mua tài sản, hoạch định ngân sách vốn đầu tư.

8. Quản trị chiến lược

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch máy móc thiết bị, kế hoạch khoa học- công nghệ, kế hoạch lao động, kế hoạch vật tư, kế hoạch chi phí giá thành, kế hoạch vốn); đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp.

9. Thị trường và các tổ chức trung gian

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về các thành phần chủ yếu và mối quan hệ giữa các thành phần này trong hệ thống tài chính. Cụ thể, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về thị trường tài chính, bao gồm thị trường các công cụ nợ, thị trường vốn cổ phần và thị trường chứng khoán phái sinh. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến người học các định chế tài chính trung gian, bao gồm ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lãi suất - một yếu tố quan trọng của thị trường tài chính và kiến thức cơ bản về hoạt động của ngân hàng trung ương..

10. Quản trị rủi ro

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị rủi ro là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành kế toán. Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các DN. Học phần trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro từ nhận dạng, đo lường, kiểm soát đến tài trợ rủi ro nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư..., từ đó thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, hiệu quả cho các đối tượng này.

11. Quản lý Nhà nước về kinh tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo khả năng cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Để đạt mục tiêu đó Nhà nước với bộ máy quản lý kinh tế của mình cần xác định những việc phải làm và làm như thế nào. Môn học quản lý Nhà nước về kinh tế cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.

12. Luật doanh nghiệp

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Luật doanh nghiệp trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về việc đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp; Các kiến thức về địa vị pháp lý của các Doanh nghiệp, về tổ chức lại, giải thể Doanh nghiệp theo qui định pháp luật hiện hành.

Phần kiến thức chung của ngành (21 TC)

13. Pháp luật kế toán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần pháp luật kế toán cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, những qui định pháp luật về công tác kế toán, từ đó người học có thể vận dụng linh hoạt những qui định của pháp luật khi ứng dụng làm các công việc thực tế liên quan đến hoạt động kế toán. Học phần cũng giới thiệu chung về pháp luật kế toán, những qui định của pháp luật về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán, dịch vụ kế toán, chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán.

14. Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nói chung cũng như trong hành nghề kế toán - kiểm toán nói riêng. Học phần cũng giới thiệu về vai trò, sự cần thiết của đạo đức nghề nghiệp trong kế toán - kiểm toán, các yêu cầu và quy định cụ thể về đạo đức trong nghề kế toán kiểm toán trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

15. Phân tích báo cáo tài chính nâng cao

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần phân tích báo cáo tài chính nâng cao là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán. Học phần cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản liên quan đến phân tích báo cáo tài chính cũng như nội dung và phương pháp phân tích cấu trúc tài chính, phân tích khả năng thanh toán và phân tích khả năng sinh lợi của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho học viên kiến thức để phân tích rủi ro tài chính cũng như dự báo các chỉ tiêu tài chính

16. Kế toán quản trị

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán quản trị là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao từ truyền thống đến hiện đại về các phương pháp kế toán quản trị làm cơ sở cho các nhà quản trị ra quyết định và kiểm soát chi phí. Cung cấp những kiến thức về kế toán quản trị trong tổ chức hệ thống thông tin, phân tích thông tin để tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định. Sau khi học xong học phần này, học viên hiểu được những nguyên lý và những công cụ cơ bản của kiểm soát quản lý, qua đó góp phần tăng thêm sự hiểu biết chung về quản lý, đưa ra cách tiếp cận quản lý trên cơ sở kế toán quản trị. Học viên không chỉ có khả năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị, mà còn có khả năng đưa ra các quyết định phục vụ cho việc.

17. Chuyên đề 1- Phân tích tài chính doanh nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Phân tích báo cáo tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề 1- Phân tích Tài chính doanh nghiệp là chuyên đề thực tập chuyên sâu của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Học phần này giúp học viên rèn luyện vận dụng những kiến thức vào phân tích báo cáo tài chính của một doanh nghiệp trong thực tế bao gồm các nội dung xoay quanh phân tích các chính sách tài chính, phân tích tình hình sử dụng vốn, phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp, phân tích và dự báo các rủi ro trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Học viên viết báo cáo gồm các nội dung:

Phần 1: Giới thiệu chung về doanh nghiệp

Phần 2: Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Phần 3: Dự báo rủi ro tài chính

Phần 4: Dự báo báo cáo tài chính

Phần 5: Nhận xét, kiến nghị về tình hình tài chính doanh nghiệp

18. Hệ thống thông tin kế toán nâng cao

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Hệ thống thông tin kế toán nâng cao là học phần kiến thức chung của ngành thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán. Học phần cung cấp bản chất của hệ thống thông tin kế toán và các mối quan hệ giữa con người, tài liệu và chiến lược kinh doanh với hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình. Đồng thời học phần giúp người học nắm được nguyên lý và môi trường kiểm soát nội bộ phục vụ việc phân tích, đánh giá rủi ro và các hoạt động kiểm soát trong các chu trình. Qua đó, nghiên cứu, xây dựng, phát triển và vận hành hệ thống thông tin kế toán một cách phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

19. Hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; khuôn khổ của việc lập, trình bày báo cáo tài chính; tìm hiểu các chuẩn mực kế toán quốc tế có liên quan đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính và các chuẩn mực báo cáo tài chính cụ thể. Trên cơ sở đó thấy được định hướng và áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam.

20. Kế toán định giá doanh nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán định giá doanh nghiệp cung cấp những nội dung cơ bản liên quan đến giá trị doanh nghiệp, công cụ - kỹ thuật định giá, kế toán định giá doanh nghiệp. Qua đó người học có thể áp dụng kiến thức phân tích, kế toán tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp và kế toán định giá doanh nghiệp.

21. Kế toán ngân hàng thương mại

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần kế toán ngân hàng thương mại đề cập nội dung vận dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh cơ bản của một ngân hàng thương mại. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại như: Huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của ngân hàng hàng thương mại.

Kiến thức chuyên ngành (12 TC)

22. Kế toán tài chính

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Lý thuyết kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kế toán tài chính là học phần kiến thức chuyên sâu trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành kế toán. Học phần trang bị cho học viên kiến thức rộng và chuyên sâu về Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn tại các doanh nghiệp, như: Chuẩn mực về Thuê tài sản; Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; Điều chỉnh kế toán do thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót; Hợp nhất kinh doanh, Báo cáo tài chính hợp nhất.

23. Kiểm toán tài chính

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần* Học phần kiểm toán tài chính cung cấp cho học viên vai trò, vị trí của kiểm toán tài chính trong dịch vụ đảm bảo cũng như các phương thức tiếp cận trong kiểm toán tài chính, các vấn đề liên quan đến về trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức chuyên sâu về thủ tục, trình tự của một cuộc kiểm toán tài chính đồng thời cũng đề cập đến các nội dung về kiểm soát chất lượng kiểm toán tài chính.

24. Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kế toán tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ theo hướng ứng dụng chuyên ngành kế toán. Học viên lựa chọn một doanh nghiệp đang hoạt động, đến khảo sát và khai thác dữ liệu để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị. Học phần trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm về tổ chức bộ máy kế toán; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; tổ chức kiểm tra kế toán. Học viên viết báo cáo về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị mình khảo sát: Nội dung báo cáo gồm 3 phần:

Phần 1: Tổng quan về doanh nghiệp “X”

Phần 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp “X”

Phần 3: Một số kiến nghị để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp “X”

25. Kế toán công

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về kế toán trong đơn vị công như cơ sở và nguyên tắc xây dựng hệ thống kế toán công, hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, hệ thống kế toán công ở Việt Nam và kế toán các hoạt động cơ bản trong đơn vị công trên cơ sở kế toán tiền mặt và dồn tích.

26. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Hệ thống kiểm soát nội bộ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, học phần cũng trang bị các kiến thức về việc thực hiện quá trình xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như quá trình kiểm soát nội bộ trong các chu trình của doanh nghiệp. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về kiểm soát nội đã được trang bị học viên có thể thực hiện thiết lập các thủ tục, trình tự kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động cũng như tài sản mà doanh nghiệp quản lý.

27. Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kế toán. Học phần trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cho học viên về kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn: nguyên tắc, qui trình, phương pháp hợp nhất kinh doanh và tổ chức công tác kế toán trong tập đoàn.

Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án – 9TC)

28. Đề án tốt nghiệp

- *Phân bố thời gian học tập*: 9 (0, 540, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Chuyên đề 1, Chuyên đề 2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu của lĩnh vực kế toán, tài chính trong các doanh nghiệp. Khi thực hiện đề án tốt nghiệp học viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định, học viên sẽ đề án đã hoàn thành để được kiểm tra, đánh giá.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- *Hướng đào tạo*: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- + Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- + Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- + Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- + Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- + Quyết định số .../QĐ-ĐHKTKTCN ngày ...tháng ...năm 2... của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTKTCN ngày .. tháng.. năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo ⁸

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 (4,5) năm, chia thành 8 (9) kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

⁸ Áp dụng đối với Bản mô tả chương trình cho trình độ Đại học

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trường khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long